

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐỒNG NAI**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021  
(đã được kiểm toán)



## Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai

211-213 Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai (sau đây gọi tắt là "Quỹ") trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### QUỸ

Quỹ Đầu tư Phát triển Đồng Nai là một tổ chức Tài chính Nhà nước trực thuộc Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai, được thành lập theo Quyết định số 479/QĐ.CT.UBT ngày 18/02/2000 và được chuyển đổi sang hoạt động độc lập theo Quyết định số 1286/QĐ.CT.UBT ngày 26/04/2004 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Trụ sở chính của Quỹ tại 211-213 Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

### Hội đồng Quản lý, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản lý trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2021
Ông Võ Tấn Đức	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 04 tháng 02 năm 2021
Ông Phan Trọng Dũng	Phó Chủ tịch	
Ông Đỗ Khôi Nguyên	Phó Chủ tịch	
Ông Hồ Văn Hà	Thành viên	
Ông Tạ Thành Long	Thành viên	

Các thành viên của Ban Giám đốc Quỹ trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Trọng Dũng	Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Thu Vân	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 06 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2021
Bà Trần Thị Thanh Thủy	Phó Giám đốc	

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Trưởng ban
Ông Nguyễn Lương Hòa	Thành viên
Ông Trần Anh Tú	Thành viên

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Quỹ.

### Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Quỹ cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản lý và Ban Giám đốc Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

## Quý Đầu tư Phát triển Đồng Nai

211-213 Phạm Văn Thuận, phường Tân Tiến, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quý đầu tư phát triển địa phương và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Quý sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Quý đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quý, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Quý và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Quý cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Quý tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với Quý đầu tư phát triển địa phương và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2022

**TM. Ban Giám đốc**  
**Giám đốc**



**Phan Trọng Dũng**

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>100 A. TÀI SẢN</b>		<b>3.033.395.754.751</b>	<b>2.926.626.485.908</b>
<b>110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>1.178.578.629.068</b>	<b>1.353.493.337.391</b>
111 1. Tiền		6.578.629.068	493.337.391
112 2. Các khoản tương đương tiền		1.172.000.000.000	1.353.000.000.000
<b>120 II. Các khoản đầu tư</b>	<b>4</b>	<b>1.830.188.893.577</b>	<b>1.550.705.969.312</b>
122 1. Cho vay		1.759.927.786.137	1.480.444.861.872
122a a. Cho vay		1.783.580.612.496	1.498.420.426.700
122b b. Dự phòng rủi ro cho vay		(23.652.826.359)	(17.975.564.828)
123 2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		70.261.107.440	70.261.107.440
123b b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.250.000.000	4.250.000.000
123c c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		66.011.107.440	66.011.107.440
<b>130 III. Các khoản phải thu</b>		<b>22.877.515.058</b>	<b>20.122.414.058</b>
131 1. Phải thu của khách hàng	5	14.236.960.000	14.070.459.000
131a a. Phải thu lãi tiền gửi, lãi cho vay		9.154.893.000	8.988.282.000
131d d. Phải thu phí hoạt động nhận ủy thác, phí quản lý hợp vốn		3.156.000	3.266.000
131e e. Phải thu hoạt động nghiệp vụ khác		5.078.911.000	5.078.911.000
134 2. Phải thu về cổ tức, lợi nhuận được chia	6	8.537.500.000	5.948.900.000
136 3. Phải thu khác	7	103.055.058	103.055.058
<b>150 V. Tài sản cố định</b>		<b>1.747.780.493</b>	<b>2.116.110.179</b>
151 1. Tài sản cố định hữu hình	8	1.747.780.493	2.116.110.179
152 - Nguyên giá		6.347.385.758	6.347.385.758
153 - Giá trị hao mòn lũy kế		(4.599.605.265)	(4.231.275.579)
157 2. Tài sản cố định vô hình	9	-	-
158 - Nguyên giá		240.982.000	240.982.000
159 - Giá trị hao mòn lũy kế		(240.982.000)	(240.982.000)
<b>180 VIII. Tài sản khác</b>		<b>2.936.555</b>	<b>188.654.968</b>
182 1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	-	162.613.746
183 2. Chi phí trả trước		2.936.555	26.041.222

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<b>200 B. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>345.375.747.445</b>	<b>361.451.059.101</b>
<b>210 I. Nhận ủy thác, nhận hợp vốn cho vay</b>	<b>10</b>	<b>1.700.000.000</b>	<b>320.000.000</b>
214 1. Vốn nhận ủy thác ứng vốn		1.700.000.000	320.000.000
<b>220 II. Các khoản phải trả</b>		<b>11.043.764.688</b>	<b>11.014.731.472</b>
223 1. Phải trả lãi, chi phí huy động vốn	11	1.577.201.898	1.835.880.657
224 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.324.182.301	630.325.523
225 3. Phải trả người lao động		1.900.000.000	1.368.000.000
229 4. Phải trả khác	13	5.113.510.199	6.305.133.043
232 5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		1.128.870.290	875.392.249
<b>240 III. Vay và nợ thuê tài chính</b>	<b>14</b>	<b>332.631.982.757</b>	<b>350.116.327.629</b>
242 1. Nợ vay		332.631.982.757	350.116.327.629
<b>300 C. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>15</b>	<b>2.688.020.007.306</b>	<b>2.565.175.426.807</b>
<b>310 I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>2.688.020.007.306</b>	<b>2.565.175.426.807</b>
311 1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.474.499.989.359	1.474.499.989.359
312 2. Vốn khác của chủ sở hữu		316.066.489.878	316.066.489.878
314 3. Quỹ đầu tư phát triển		658.889.889.569	562.477.035.020
315 4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		113.311.058.126	102.330.963.190
316 5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		125.252.580.374	109.800.949.360
316b - LNST chưa phân phối năm nay		125.252.580.374	109.800.949.360
<b>330 Tổng cộng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu</b>		<b>3.033.395.754.751</b>	<b>2.926.626.485.908</b>

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Khả Phương Thu

Lê Thị Quỳnh Thu

Phan Trọng Dũng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
01	<b>1. Thu nhập lãi thuần</b>	17	<b>133.881.420.130</b>	<b>112.057.436.362</b>
02	1.1. Doanh thu thuần lãi cho vay		148.861.212.234	128.118.872.357
03	1.2. Chi phí lãi vay, chi phí liên quan trực tiếp tới việc huy động vốn và các khoản chi phí hoạt động cho vay		14.979.792.104	16.061.435.995
07	<b>2. Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ</b>	18	<b>3.199.316.546</b>	<b>1.474.224.642</b>
08	2.1. Doanh thu thuần từ hoạt động dịch vụ		3.210.301.824	1.485.714.063
09	2.2. Chi phí hoạt động dịch vụ		10.985.278	11.489.421
10	<b>3. Thu nhập thuần từ hoạt động đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	19	<b>16.612.246.000</b>	<b>16.476.768.000</b>
11	3.1. Doanh thu từ hoạt động đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		16.612.246.000	16.476.768.000
16	<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>20.309.716.131</b>	<b>18.033.786.069</b>
17	<b>5. Thu nhập thuần khác</b>	21	<b>96.782.707</b>	<b>614.541.926</b>
18	5.1. Thu nhập thuần từ hoạt động khác		96.782.707	614.541.926
20	<b>6. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước dự phòng rủi ro cho vay</b>		<b>133.480.049.252</b>	<b>112.589.184.861</b>
30	<b>7. Chi phí dự phòng rủi ro cho vay</b>	22	<b>5.677.261.531</b>	<b>1.955.233.179</b>
40	<b>8. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>127.802.787.721</b>	<b>110.633.951.682</b>
50	<b>9. Chi phí thuế TNDN</b>	23	<b>2.550.207.347</b>	<b>833.002.322</b>
51	9.1. Chi phí thuế TNDN hiện hành		2.550.207.347	833.002.322
60	<b>10. Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>		<b>125.252.580.374</b>	<b>109.800.949.360</b>

Người lập biểu

Nguyễn Khả Phương Thu

Kế toán trưởng

Lê Thị Quỳnh Thu

Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Giám đốc



Phan Trọng Dũng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Năm 2021

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
02	1. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	(3.750.864.086)	(2.671.423.853)
03	2. Tiền thu từ các khoản phí	3.533.560.000	1.628.239.000
04	3. Tiền chi cho vay	(611.476.049.160)	(440.143.672.304)
05	4. Tiền thu hồi gốc cho vay	326.315.863.364	410.852.610.375
06	5. Thu tiền lãi cho vay, lãi tiền gửi	148.275.377.234	128.382.820.357
07	6. Tiền thu từ đi vay	1.569.000	1.593.000
08	7. Tiền trả nợ gốc vay	(17.485.913.872)	(17.758.115.798)
09	8. Tiền lãi vay đã trả	(15.238.470.863)	(16.104.907.184)
14	9. Chênh lệch tiền thu, chi nhận ủy thác ứng vốn	1.380.000.000	190.000.000
16	10. Tiền chi trả cho người lao động	(12.422.504.121)	(12.072.199.240)
17	11. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro	36.454.000	500.000.000
18	12. Thuế TNDN đã nộp	(1.810.926.608)	(1.134.059.782)
19	13. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	5.898.753.175	13.716.987.369
20	14. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(12.195.202.386)	(39.809.429.466)
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>(188.938.354.323)</b>	<b>25.578.442.474</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
31	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản dài hạn khác	-	(151.372.000)
35	2. Tiền thu từ cổ tức và lợi nhuận được chia	14.023.646.000	10.527.868.000
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>14.023.646.000</b>	<b>10.376.496.000</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
41	1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	-	790.566.479.237
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>-</b>	<b>790.566.479.237</b>
60	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(174.914.708.323)</b>	<b>826.521.417.711</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>1.353.493.337.391</b>	<b>526.971.919.680</b>
80	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>1.178.578.629.068</b>	<b>1.353.493.337.391</b>

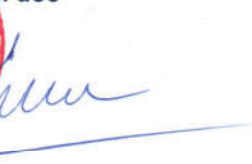
Đồng Nai, ngày 25 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Khả Phương Thu

Lê Thị Quỳnh Thu

Phan Trọng Dũng